

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS - ST

Ngày: 26 -12- 2022

V/v tranh chấp chia tài sản thuộc sở
hữu chung và chia di sản thừa kế là
quyền sử dụng đất, vàng; đòi lại tài
sản là tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Hậu;

2. Bà Lê Thị Hương;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST – DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “tranh chấp chia di sản thuộc sở hữu chung, chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HPT, ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Kiều Tấn T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- Bị đơn: Bà Kiều Nữ Tấn H, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tài D, sinh năm 1979 (có mặt);

+ Ông Kiều Tấn V, sinh năm 1966 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Kiều Tấn V1, sinh năm 1970 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

+ Ông Kiều Tấn T, sinh năm 1971 (có mặt);

+ Ông Kiều Tấn M, sinh năm 1974 (có mặt);

+ Bà Kiều Thị Hồng G, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Kiều Tấn T trình bày:

Nguyên các thửa đất số 347, 348, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp T giao khoán cho cha, mẹ ông là bà Thị V, ông Kiều Tấn L vào năm 1986. Thời điểm giao khoán thì hộ gia đình ông gồm có 04 thành viên: Kiều Tấn L, Thị V, Kiều Tấn T và Kiều Nữ Tấn H. Sau khi nhận đất thì cha mẹ ông là người trực tiếp canh tác trên đất, đến khi tuổi già sức yếu thì cha mẹ ông giao lại cho bà Kiều Nữ Tấn H tiếp tục canh tác và hưởng hoa lợi chung. Đến ngày 11-11-1994 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2019 cha mẹ ông bị bệnh và lần lượt qua đời, không để lại di chúc. Sau khi đi làm ăn xa về, ông có đến gặp bà H yêu cầu phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế các thửa đất trên ra để làm ăn, thì bà H không đồng ý. Do đó ông khởi kiện đến Tòa án.

Bà Kiều Nữ Tấn H chỉ là con nuôi, được cha mẹ ông nhận về nuôi từ nhỏ và xem như con chung trong gia đình. Ông cũng coi bà Kiều Nữ Tấn H là em gái.

Cha ông là ông Kiều Tấn L trước khi cưới mẹ ông là bà Thị V, thì ông Kiều Tấn L còn có một đời vợ trước là bà Châu Thị H (Đã chết) có 05 người con gồm: Ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G.

Nay ông yêu cầu bà Kiều Nữ Tấn H phải chia tài sản chung và di sản thừa kế là các thửa đất số 347, 348, tờ bản đồ số 15, (Hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tọa lạc tại thị trấn P cho các đồng thừa kế là ông với bà H và 05 người con riêng của cha ông là Kiều Tấn L. Ông yêu cầu nhận thửa đất số 347, tờ bản đồ số 15 nếu thửa đất ông có diện tích nhiều hơn thì ông đồng ý trả lại tiền chênh lệch cho bà H, ông đồng ý giao cho bà H thửa đất số 348, tờ bản đồ số 15.

Đối với những người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G đồng ý nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông, thì tôi đồng ý nhận và đồng ý chịu mọi chi phí và án phí thay cho những người trên, kể cả nếu có phần nợ 05 chỉ vàng và tiền làm đám tuần 200.000.000đ.

Đối với yêu cầu phân tố của bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D yêu cầu ông phải trả lại 5 chỉ vàng (loại vàng y 24k), mà bà H, ông D đã thay cha mẹ ông (Thị V, Kiều Tấn L) trả cho bà Báo Thị Trái để chuộc lại các thửa tranh chấp, cùng với số tiền 200.000.000đ mà bà H, ông D đã làm đám tuần (đám của phong tục người Chăm), thì ông không đồng ý.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Kiều Nữ Tấn H trình bày:

Nguyên các thửa đất số 347, 348, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp T giao khoán cho cha, mẹ bà là bà Thị V, ông Kiều Tấn L vào năm 1986. Thời điểm giao khoán thì hộ gia đình bà gồm có 04 thành viên: Kiều Tấn L, Thị V, Kiều Tấn T và Kiều Nữ Tấn H. Đến ngày 11-11-1994 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào ngày 27-02-2020 bà mới đi gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận đất thì cha mẹ bà trực tiếp canh tác trên đất, đến năm 1992 cha mẹ bà già làm không nổi, nên mang hai thửa đất trên đi thực cho bà Báo Thị Trái

giá 05 chỉ vàng (Loại vàng y 24k), đến năm 2003 thì bà với chồng bà là ông Tài D có mang vàng đến trả cho bà Báo Thị Trái chuộc lại đất về canh tác cho đến nay.

Ông Kiều Tấn T lập gia đình từ năm 2004 không lui tới trực tiếp chăm sóc cha mẹ già bệnh tật. Một mình bà phải nuôi cha mẹ già đến năm 2019 thì chết, từ khi cha mẹ chết thì bà cũng thờ cúng từ đó cho đến nay.

Khi cha mẹ bà còn sống thì có làm giấy cho bà các thửa đất trên, nhưng do ông T đã xé bỏ, nên bà không có tài liệu để cung cấp. Tại phiên tòa bà trình bày không có làm giấy tờ tặng cho hay lập di chúc gì cho bà, mà ông Kiều Tấn L và bà Thị V chỉ nói bằng miệng cho bà các thửa đất trên.

Bà là con nuôi của bà Thị V và ông Kiều Tấn L, bà Thị V và ông Kiều Tấn L nhận nuôi bà từ lúc còn nhỏ, xem bà là con trong gia đình.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Tấn T yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế thì bà không đồng ý.

Nếu trường hợp chia thừa kế cho ông T, thì bà yêu cầu ông T phải trả cho bà với ông D 05 chỉ vàng (loại vàng y 24k), vì đây là nợ chung của cha mẹ bà, ngoài ra bà còn yêu cầu ông T phải trả cho bà với ông D số tiền 200.000.000đ mà bà với ông D bỏ ra để làm 02 đám tuần (Đám thiêu theo phong tục người Chăm) cho bà Thị V và ông Kiều Tấn L.

Còn đối với ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G đúng là 05 người con riêng của cha bà là ông Kiều Tấn L, vì trước khi về sống chung với mẹ bà là bà Thị V1, thì ông Kiều Tấn L có người vợ trước là bà Châu Thị H (Đã chết), khi bà Châu Thị H chết thì cha bà mới về sống chung với mẹ bà, nhưng tài sản này không liên quan đến những trên, nên bà không đồng ý chia.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tài D trình bày: Thống nhất theo ý kiến của bà Kiều Nữ Tấn H không có ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G trình bày: Các ông bà là con riêng của ông Kiều Tấn L; ông Kiều Tấn L trước khi về chung sống với bà Thị V, thì ông Kiều Tấn L đã cưới mẹ các ông bà là bà Châu Thị Hoàng, sau khi mẹ các ông bà chết, thì ông Kiều Tấn L mới về chung sống với bà Thị V. Ông Kiều Tấn L chung sống với bà Châu Thị H thì sinh ra 05 người con gồm: Kiều Tấn V, sinh năm 1966, Kiều Tấn V1, sinh năm 1970; Kiều Tấn T, sinh năm 1971, Kiều Tấn M, sinh năm 1974; Kiều Thị Hồng G, sinh năm 1980, Ngoài ra cha mẹ các ông bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Đối với các thửa đất số 347, 348 tờ bản đồ số 15, tại thị trấn P là do hợp tác xã T cấp cho hộ ông Kiều Tấn L và bà Thị V, vì vậy các thửa đất tranh chấp có kỷ phần của cha các ông bà. Hiện tại cha các ông bà đã chết, không để lại di chúc cho ai, nay xảy ra tranh chấp, thì các ông bà có ý kiến như sau:

Đối với nguồn gốc các thửa đất trên thì các ông bà không biết hợp tác xã cấp cho cha các ông bà là ông Kiều Tấn L với bà Thị V từ lúc nào, nay ông Kiều Tấn T với bà Kiều Nữ Tấn H yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất trên, có liên

quan đến các ông bà cũng được hưởng kỷ phần thừa kế của cha các ông bà chết để lại, các ông bà từ chối nhận tài sản thừa kế (Theo văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế lập ngày 23-02-2022), các ông bà đồng ý nhường lại kỷ phần thừa kế của các ông bà cho ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn T được quyền định đoạt các kỷ phần thừa kế của các ông bà và chịu mọi án phí thay cho các ông bà.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D yêu cầu trả 05 chỉ vàng thay bà Thị V, ông Kiều Tấn L trả nợ cho bà Báo Thị Trái và 200.000.000đ đã làm đàm tuàn cho bà Thị V, ông Kiều Tấn L khi chết (theo phong tục người Chăm), thì các ông bà yêu cầu ông Kiều Tấn T thay các ông bà tôi trả, vì các ông bà tặng cho hết kỷ phần thừa kế của các ông bà cho ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Viết tắt HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 75 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn ông Kiều Tấn T trình bày các thửa đất số 347, 348, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp T giao khoán cho cha, mẹ ông là bà Thị V, ông Kiều Tấn L vào năm 1986. Hiện các thửa đất trên đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11-11-1994. Thời điểm giao khoán thì hộ gia đình ông gồm có 04 thành viên: Kiều Tấn L, Thị V, Kiều Tấn T và Kiều Nữ Tấn H. Sau khi nhận đất thì cha mẹ ông là người trực tiếp canh tác trên đất, đến khi tuổi già sức yếu thì cha mẹ ông giao lại cho bà Kiều Nữ Tấn H tiếp tục canh tác và hưởng hoa lợi chung. Năm 2019, cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Nay ông T yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Kiều Nữ Tấn H cũng thừa nhận nguồn gốc các thửa đất nêu trên là do cha mẹ để lại, hiện nay bà đang quản lý và sử dụng, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, vì từ trước đến nay vợ chồng bà là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ già nên bà được hưởng để lo thờ cúng cha mẹ.

Theo Biên bản xác minh ngày 24/9/2021 với nguyên trưởng ban kiểm soát hợp tác xã nông nghiệp T thể hiện: Nguồn gốc thửa đất số 347, 348 tờ bản đồ số 15 thị trấn P: Là do HTX T cấp cho bà Thị V và ông Kiều Tấn L vào khoảng năm 1986, thời điểm cấp đất hộ ông Kiều Tấn L có 04 nhân khẩu: Bà Thị V, ông Kiều Tấn L, Kiều Tấn T và Kiều Nữ Tấn H, mỗi nhân khẩu bình quân là 600m²/người, nhưng do ông L là đội trưởng đội 3 của HTX, nên ông L được nhận phần nhiều hơn. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 30/9/2021 tại UBND thị trấn P về nguồn gốc thửa đất số 347, 348 tờ bản đồ số 15 thị trấn P có nội dung: Thửa đất số 347, 348 tờ bản đồ số 15 là do HTX T cấp cho bà Thị V và ông Kiều Tấn L vào khoảng năm 1986 – 1988, sổ mục kê lưu trữ tại UBND thị trấn P thì ghi là xã P xâm canh, các thửa đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa thì UBND thị trấn không nắm rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/5/2021 về số nhân khẩu của ông Kiều Tấn L tại công an huyện N thể hiện: Năm 2000, số hộ khẩu hộ ông Kiều Tấn L có 04 nhân khẩu: Bà Thị V, ông Kiều Tấn L, Kiều Tấn T và Kiều Tấn H.

Với những căn cứ nêu trên xác định được rằng: Các thửa đất số 347, 348, tờ bản đồ số 15 thị trấn P có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp T giao khoán cho hộ bà Thị V, ông Kiều Tấn L vào năm 1986, thời điểm giao khoán hộ bà Thị V có 04 thành viên: Kiều Tấn L, Thị V, Kiều Tấn T và Kiều Nữ Tấn H. Vợ chồng bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D là người trực tiếp canh tác trên đất từ trước tới nay. Như vậy, theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, hộ bà Thị V đáp ứng được các điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và các thửa đất nêu trên là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình bà Thị V gồm những người: Bà Thị V, ông Kiều Tấn L, ông Kiều Tấn T và bà Kiều Nữ Tấn H theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, việc ông T yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở chấp nhận.

Ngày 01/01/2019 bà Thị V chết không để lại di chúc. Ngày 11/3/2019, ông Kiều Tấn L chết không để lại di chúc. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự, xét thấy việc ông Kiều Tấn T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do bà Thị V và ông Kiều Tấn L chết để lại là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét bà Kiều Nữ Tấn H là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ già khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản, nên căn cứ theo Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, bà H sẽ được hưởng thêm mỗi người (Bà Thị V, ông Kiều Tấn L) 01 kỷ phần do có công sức giữ gìn di sản.

Như vậy, tài sản chung và di sản thừa kế là các thửa đất số 347 có diện tích 2.255m² và thửa số 348 có diện tích 1.477m², tổng diện tích 3.732m² sẽ được chia cụ thể như sau:

Đối với tài sản thuộc sở hữu chung thửa đất số 347 có diện tích 2.255m² và thửa số 348 có diện tích 1.477m², tổng diện tích 3.732m² chia đều cho ông Kiều Tấn L, bà Thị V, bà Kiều Nữ Tấn H và ông Kiều Tấn T.

$$3.732\text{m}^2 : 4 (\text{ông L, bà V, ông T, bà H}) = 933\text{m}^2/\text{người}.$$

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, bà Thị V chết trước ông Kiều Tấn L, nên di sản của bà Thị V được chia cho ông Kiều Tấn L, bà Kiều Nữ Tấn H và ông Kiều Tấn T, do bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thị V khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản của bà Thị V, nên chia cho bà H thêm một phần di sản của bà Thị V, cụ thể:

$$933\text{m}^2 : 4 (\text{Ông L, ông T, bà H}) = 233.25\text{m}^2/\text{người} (\text{Riêng bà H được 02 phần nên bà H được nhận là } 466,5\text{m}^2).$$

Tổng tài sản của ông Kiều Tấn L nhận được là 933m² (Tài sản thuộc sở hữu chung) + 233,25m² (Tài sản nhận thừa kế từ bà Thị V chết để lại) = 1166,25m².

Nguyên đơn ông Kiều Tấn T và bị đơn bà Kiều Nữ Tấn H đều thừa nhận, ông Kiều Tấn L ngoài 02 người con là ông T và bà H, thì ông Kiều Tấn L còn có 05 người con riêng là ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì

đây là tình tiết không phải chứng minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, di sản của ông L được chia cho ông Kiều Tấn T, bà Kiều Nữ Tấn H, ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G, riêng bà Kiều Nữ Tấn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông Kiều Tấn L khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản của ông Kiều Tấn L, nên chia cho bà H thêm một phần di sản của ông Kiều Tấn L, cụ thể:

$1166,25 : 8$ (Ông T, bà H, ông V, ông V1, ông T, ông M, bà G) = $145,79\text{m}^2/\text{người}$ (Riêng bà H được 02 phần nên bà H được nhận là $291,58\text{m}^2$).

Ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G, đều có ý kiến tặng cho di sản cho ông T, nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Như vậy tổng diện tích đất ông Kiều Tấn T được nhận, cụ thể: 933m^2 (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + $233,25\text{m}^2$ (Diện tích đất nhận thừa kế từ bà Thị V) + $145,79\text{m}^2$ (Diện tích nhận thừa kế từ ông Kiều Tấn L) + $728,95$ (Diện tích nhận tặng cho từ ông V, ông V1, ông T, ông M, bà G) = $2.040.99\text{m}^2$ làm tròn số 2.041m^2 .

Tổng diện tích đất bà Kiều Nữ Tấn H được nhận, cụ thể: 933m^2 (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + $466,5\text{m}^2$ (Trong đó có $233,25\text{m}^2$ đất bà H nhận thừa kế từ bà Thị V và $233,25\text{m}^2$ đất bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thị V khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) + $291,58\text{m}^2$ (Trong đó có $145,79\text{m}^2$ đất bà H nhận thừa kế từ ông L và $145,79\text{m}^2$ đất bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông L khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) = $1.691,08\text{m}^2$, làm tròn số là 1.691m^2 .

Đối với yêu cầu phản tố của bà H, yêu cầu ông T phải trả 5 chỉ vàng (loại vàng y) mà bà với ông D chuộc lại ruộng và số tiền 200.000.000đ để lo đám tuân (theo phong tục người chằm) cúng ông L và bà V cho vợ chồng bà H. Ông T không đồng ý với yêu cầu của bà H. Theo biên bản xác minh đối với bà Báo Thị Trái ngày 24/9/2021 về việc bà Thị V và ông Kiều Tấn L có thực ruộng cho bà Trái hay không: Bà Trái trình bày vào thời gian đã lâu bà không nhớ năm cụ thể, vợ chồng ông L bà V có thực ruộng thừa đất số 347, 348 tờ bản đồ số 15 thị trấn P với số vàng là 05 chỉ vàng cho bà, quy ra số tiền là 01 triệu mấy, thời hạn là khi nào bà V, ông L có tiền thì đến lấy lại, có lập giấy do bà giữ. Vào năm nào bà không nhớ thì bà H, ông D có đến trả lại bà 05 chỉ vàng và chuộc lại ruộng. Ngoài ra, bà Trái không trình bày gì thêm;

Đối với yêu cầu 200.000.000 đồng tiền lo đám tuân cho vợ chồng bà V, ông L, ngoài lời trình bày ra vợ chồng bà H không xuất trình được thêm chứng cứ nào khác.

Như vậy, đối với 05 chỉ vàng bà H và ông T là 02 người con nên mỗi người chịu nghĩa vụ $\frac{1}{2}$. Do đó, chỉ có cơ sở để chấp nhận đối với yêu cầu trả lại 2,5 chỉ vàng và không chấp nhận yêu cầu trả lại 200.000.000 đồng của bà H.

* Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, bà Kiều Nữ Tấn H và ông Kiều Tấn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của các bị đơn, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung, chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất, vàng và đòi lại tài sản là tiền” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đối tượng tranh chấp là bất động sản mà cụ thể là quyền sử dụng đất tọa lạc tại huyện N và đương sự có địa chỉ tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 5, 9, 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa, ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, bà Kiều Thị Hồng G đã được Tòa án nhân dân huyện N thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, bà Kiều Thị Hồng G vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, bà Kiều Thị Hồng G.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

[3.1]. Về nguồn gốc các thửa đất tranh chấp: Qua các biên xác minh ngày 24/9/2021 của nguyên trưởng ban kiểm soát hợp tác xã nông nghiệp T, ngày 30/9/2021 tại UBND thị trấn P cũng như theo ông Kiều Tấn T và bà Kiều Nữ Tấn H đều thừa nhận các thửa đất số 347 có diện tích 2.255m² và thửa số 348 có diện tích 1.477m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P có nguồn gốc là do Hợp tác xã T cấp cho hộ gia đình ông, bà vào năm 1986, thời điểm cấp đất thì hộ gia đình ông bà gồm có 04 nhân khẩu: Ông Kiều Tấn L, bà Thị V, ông Kiều Tấn T và bà Kiều Nữ Tấn H. Hiện các thửa đất trên đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11-11-1994. Sau khi nhận đất thì ông L, bà V là người trực tiếp canh tác trên đất, đến khi tuổi già sức yếu thì ông L, bà V giao lại cho bà Kiều Nữ Tấn H tiếp tục canh tác và hưởng hoa lợi chung. Năm 2019, cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Ngoài ra ông Kiều Tấn T và bà Kiều Nữ Tấn H còn thừa nhận ông Kiều Tấn L ngoài có 02 con là ông T và bà H, thì ông L còn có 05 người con riêng là ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết này không phải chứng minh.

Nay ông T yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất nêu trên, căn cứ tại Điều 212 Bộ luật Dân sự là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét bà Kiều Nữ Tấn H là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ già khi đau

ôm và có công quản lý, gìn giữ di sản, nên căn cứ theo Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên bà H sẽ được hưởng thêm của mỗi người (Bà Thị V, ông Kiều Tấn L) 01 kỷ phần do có công sức giữ gìn di sản.

Xét ý kiến của ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G, đều có ý kiến tặng cho di sản mà mình được nhận cho ông T, ông Kiều Tấn T thay các ông bà chịu toàn bộ án phí, xét đây sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Cụ thể việc chia tài sản thuộc sở chung và chia di sản thừa kế như sau:

- Chia tài sản thuộc sở chung:

+ Các thửa đất số 347 có diện tích 2.255m² và thửa đất số 348 có diện tích 1.477m², tổng diện tích 3.732m² chia đều cho ông Kiều Tấn L, bà Thị V, bà Kiều Nữ Tấn H và ông Kiều Tấn T: $3.732\text{m}^2 : 4$ (ông L, bà V, ông T, bà H) = 933m²/người.

- Chia di sản của bà Thị V:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, bà Thị V chết trước ông Kiều Tấn L, nên di sản của bà Thị V được chia cho ông Kiều Tấn L, bà Kiều Nữ Tấn H và ông Kiều Tấn T, nhưng do bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thị V khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản, nên chia cho bà H thêm một phần di sản của bà Thị V, cụ thể: $933\text{m}^2 : 4$ (ông L, ông T, bà H) = 233,25m²/người (Riêng bà H được 02 phần nên bà H được nhận là 466,5m²).

- Chia di sản của ông Kiều Tấn L:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, di sản của ông L được chia cho ông Kiều Tấn T, bà Kiều Nữ Tấn H, ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G, riêng bà Kiều Nữ Tấn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông Kiều Tấn L khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản, nên chia cho bà H thêm một phần di sản của ông Kiều Tấn L, cụ thể:

$1166,25 : 8$ (Ông T, bà H, ông V, ông V1, ông T, ông M, bà G) = 145,79m²/người (Riêng bà H được 02 phần nên bà H được nhận là 291,58m²).

- Như vậy tổng diện tích đất ông Kiều Tấn T được nhận, cụ thể: 933m² (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + 233,25m² (Diện tích đất nhận thừa kế từ bà Thị V) + 145,79m² (Diện tích nhận thừa kế từ ông Kiều Tấn L) + 728,95 (Diện tích nhận tặng cho từ ông V, ông V1, ông T, ông M, bà G) = 2.040.99m² làm tròn số 2.041m².

- Tổng diện tích đất bà Kiều Nữ Tấn H được nhận, cụ thể: 933m² (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + 466,5m² (Trong đó có 233,25m² đất bà H nhận thừa kế từ bà Thị V và 233,25m² đất, bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thị V khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) + 291,58m² (Trong đó có 145,79m² đất bà H nhận thừa kế từ ông L và 145,79m² đất, bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng ông L khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) = 1.691,08m², làm tròn số là 1.691m².

Hiện tại các thửa trên, nếu chia các thửa đất số 347 có diện tích 2.255m² và thửa số 348 có diện tích 1.477m² theo đúng diện tích mà ông T và H được nhận thì không đảm bảo diện tích để tách thửa đất (Loại đất lúa), do diện tích 02 thửa đất trên có diện tích cũng tương đối, với việc được nhận tài sản của ông T và bà H, vì vậy nên giao cho ông Kiều Tấn T nhận thửa đất số 347 có diện tích 2.255m², tờ bản đồ số 15, tại thị trấn P. Giao cho bà Kiều Nữ Tấn H nhận thửa đất số 348 có diện tích 1.477m², tờ bản đồ số 15, tại thị trấn P.

Buộc ông Kiều Tấn T có trách nhiệm thôi lại giá trị tiền so với diện tích bà Kiều Nữ Tấn H được nhận là 1.691m² – 1.477m² = 214m². Theo bảng giá đất của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định, đối với đất trồng cây hàng năm (đất lúa) tại thị trấn P có giá là 82.500đ/m², nên 214m² x 82.500đ/m² = 18.297.000đ.

Buộc bà Kiều Nữ Tấn H, ông Tài D phải giao trả thửa đất số 347 có diện tích 2.255m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P cho ông Kiều Tấn T.

Ông Kiều Tấn T quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 347 có diện tích 2.255m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

Ông Kiều Tấn T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 347 có diện tích 2.255m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P mang tên ông Kiều Tấn T.

Bà Kiều Nữ Tấn H được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 348 có diện tích 1.477m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

Bà Kiều Nữ Tấn H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348 có diện tích 1.477m², tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P mang tên bà Kiều Nữ Tấn H.

[3.2]. Xét yêu cầu phản tố của bà Kiều Nữ Tấn H: Bà Kiều Nữ Tấn H yêu cầu ông Kiều Tấn T phải trả lại cho bà với ông Tài D là 05 chỉ vàng (Loại vàng y 24k) mà bà với ông Tài D đã thay bà Thị V, ông Kiều Tấn L trả cho bà Báo Thị Trái để lấy lại 02 thửa đất 347, 348 và 200.000.000đ tiền làm đám tuân (Đám thiêu theo phong tục người Chăm) cho bà Thị V cùng với ông Kiều Tấn L. Hội đồng xét xử thấy, đối với yêu cầu của bà Kiều Nữ Tấn H yêu cầu ông Kiều Tấn T phải trả lại cho bà với ông Tài D 05 chỉ vàng (Loại vàng y 24k) mà bà với ông Tài D đã thay bà Thị V, ông Kiều Tấn L trả cho bà Báo Thị Trái để lấy lại 02 thửa đất 347, 348, là có cơ sở chấp nhận, vì theo biên bản lấy lời khai của bà Báo Thị Trái vào ngày 24/9/2021, thì bà Báo Thị Trái cũng thừa nhận có việc bà Thị V và ông Kiều Tấn L thực 02 thửa ruộng 02 thửa đất 347, 348 tại thị trấn P cho bà (Do thời gian đã lâu bà không nhớ năm) với giá 05 chỉ vàng (loại vàng y), đến khi bà H cưới chồng là ông Tài D, thì bà H và ông D có đến gặp bà để thay bà Thị V, ông Kiều Tấn L trả cho bà 05 chỉ vàng và lấy lại 02 thửa ruộng trên về canh tác. Như vậy, đối với 05 chỉ vàng bà H và ông T là 02 người con nên mỗi người chịu nghĩa vụ ½. Buộc ông Kiều Tấn T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D 2,5 chỉ vàng (Loại vàng 24k). (Theo giá vàng tại thời điểm xét xử là ngày 26-12-2022, thì giá vàng loại 24k giá bán ra là 5.310.000đ/chỉ).

Đối với yêu cầu của bà Kiều Nữ Tấn H, yêu cầu ông Kiều Tấn T phải trả cho bà với ông Tài D số tiền 200.000.000đ làm đám tuần (Đám thiêu theo phong tục người chăm) cho bà Thị V với ông Kiều Tấn L. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận, vì Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự. Trong quá trình giải quyết, bà H, ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu trên. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Kiều Nữ Tấn H, yêu cầu ông Kiều Tấn T trả lại số tiền 200.000.000đ làm đám tuần (Đám thiêu theo phong tục người chăm) cho bà Thị V với ông Kiều Tấn L.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Kiều Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm các phần: Tài sản được nhận + Tài sản được nhận di sản thừa kế + Tài sản được nhận tặng cho từ ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G + 2,5 (Hai phẩy năm) chỉ vàng (Loại vàng 24k có giá bán ra tại thời điểm xét xử ngày 26-12-2022 là 5.310.000đ/chỉ).

Bà Kiều Nữ Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm các phần: Tài sản được nhận + Tài sản được nhận di sản thừa kế + 2,5 (Hai phẩy năm) chỉ vàng (Loại vàng 24k có giá bán ra tại thời điểm xét xử ngày 26-12-2022 là 5.310.000đ/chỉ) + án phí không chấp nhận một phần phản tố đối với số tiền 200.000.000đ.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích lục bản đồ địa chính: Nguyên đơn ông Kiều Tấn T tự nguyện chịu đối với chi phí đo đạc, trích lục bản đồ địa chính đã nộp, không yêu cầu xem xét, nên HĐXX không xét đến.

[7]. Về ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn và không chấp nhận một phần phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết, nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5, 9, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, các Điều 91, 92, 147, 200, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 100, 167 và 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 212, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 620, 649, 650, 651, khoản 2 điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Tấn T, yêu cầu chia tài sản thuộc sở chung và di sản thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 347 có diện tích 2.255m^2 và thửa số 348 có diện tích 1.477m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Kiều Tấn V, ông Kiều Tấn V1, ông Kiều Tấn T, ông Kiều Tấn M, bà Kiều Thị Hồng G đồng ý tặng cho di sản thừa kế cho ông Kiều Tấn T.

- Ông Kiều Tấn T được nhận tổng cộng tài sản: 933m^2 (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + $233,25\text{m}^2$ (Diện tích đất nhận thừa kế từ bà Thị V) + $145,79\text{m}^2$ (Diện tích nhận thừa kế từ ông Kiều Tấn L) + $728,95$ (Diện tích nhận tặng cho từ ông V, ông V1, ông T, ông M, bà G) = $2.040.99\text{m}^2$ làm tròn số 2.041m^2 .

+ Giao cho ông Kiều Tấn T nhận thừa đất số 347 có diện tích 2.255m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

+ Ông Kiều Tấn T quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thừa đất số 347 có diện tích 2.255m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

+ Ông Kiều Tấn T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 347 có diện tích 2.255m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P mang tên ông Kiều Tấn T.

+ Buộc bà Kiều Nữ Tấn H, ông Tài D phải giao trả thừa đất số 347 có diện tích 2.255m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P cho ông Kiều Tấn T.

+ Buộc ông Kiều Tấn T phải có trách nhiệm thôi lại cho bà Kiều Nữ Tấn H số $18.297.000\text{đ}$ tương ứng với diện tích đất 214m^2 mà bà Kiều Nữ Tấn H không được nhận.

- Bà Kiều Nữ Tấn H được nhận tổng cộng tài sản: 933m^2 (Diện tích chia tài sản thuộc sở hữu chung) + $466,5\text{m}^2$ (Trong đó có $233,25\text{m}^2$ đất bà H nhận thừa kế từ bà Thị V và $233,25\text{m}^2$ đất bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Thị V khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) + $291,58\text{m}^2$ (Trong đó có $145,79\text{m}^2$ đất bà H nhận thừa kế từ ông L và $145,79\text{m}^2$ đất bà H được chia thêm 1 phần vì bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông L khi đau ốm và có công quản lý, gìn giữ di sản) = $1.691,08\text{m}^2$, làm tròn số là 1.691m^2 .

+ Giao cho bà Kiều Nữ Tấn H nhận thừa đất số 348 có diện tích 1.477m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

+ Bà Kiều Nữ Tấn H được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thừa đất số 348 có diện tích 1.477m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

+ Bà Kiều Nữ Tấn H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 348 có diện tích 1.477m^2 , tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P mang tên bà Kiều Nữ Tấn H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Kiều Nữ Tấn H đối với yêu cầu ông Kiều Tấn T trả lại $\frac{1}{2}$ của 05(Năm) chỉ vàng (loại vàng 24k), mà bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D thay ông Kiều Tấn L, bà Thị V trả cho bà Báo Thị Trái để chuộc lại các thửa đất số 347 và 348, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thị trấn P.

- Buộc ông Kiều Tấn T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D 2,5 (Hai phẩy năm) chỉ vàng (Loại vàng 24k).

3. Không chấp nhận một phần phản tố của bà Kiều Nữ Tấn H yêu cầu ông Kiều Tấn T trả lại cho bà Kiều Nữ Tấn H và ông Tài D số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) làm đám tuần (Đám thiêu theo phong tục người Chăm) cho bà Thị V với ông Kiều Tấn L.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Kiều Tấn T phải chịu 9.082.875đ (Chín triệu không trăm tám mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 7.641.652đ (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng) tạm ứng án phí Tòa án mà ông Kiều Tấn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025337 ngày 03-11-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Buộc ông Kiều Tấn T phải tiếp tục chịu 1.441.223đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm hai mươi ba đồng) được làm tròn số 1.441.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Kiều Nữ Tấn H phải chịu 17.639.125đ (Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án mà bà Kiều Nữ Tấn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000386 ngày 01-12-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Buộc bà Kiều Nữ Tấn H phải tiếp tục chịu 17.339.125đ (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) được làm tròn số 17.339.000đ (Mười bảy triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-12-2022); Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

(Có trích lục bản đồ địa chính kèm theo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Bình